

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*  
*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

Mật độ chăn nuôi của tỉnh Hậu Giang không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi trên 01 ha đất nông nghiệp (ĐVN/ha), trong đó mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố được quy định như sau:

1. Thành phố Vị Thanh: Không vượt quá 0,35 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
2. Thành phố Ngã Bảy: Không vượt quá 0,8 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
3. Thị xã Long Mỹ: Không vượt quá 0,55 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
4. Huyện Vị Thủy: Không vượt quá 1,5 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
5. Huyện Long Mỹ: Không vượt quá 2,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
6. Huyện Phụng Hiệp: Không vượt quá 2,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
7. Huyện Châu Thành A: Không vượt quá 0,6 ĐVN/ha đất nông nghiệp.
8. Huyện Châu Thành: Không vượt quá 0,2 ĐVN/ha đất nông nghiệp.

### **Điều 3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
  - a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.
  - b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi khi cần thiết.
  - c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường:
  - a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các chính sách về đất đai cho các tổ chức, cá nhân thuê đất phát triển chăn nuôi phù hợp với Quyết định này.
  - b) Định kỳ phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường tại các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.
3. Cục Thống kê tỉnh:
  - a) Cung cấp số liệu tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tính mật độ chăn nuôi.
  - b) Chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện rà soát, thống kê tổng đàn vật nuôi định kỳ 2 lần/năm.
4. Trách nhiệm các sở, ban, ngành liên quan:
 

Ngoài những nhiệm vụ cụ thể được nêu tại Quyết định này, theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết cụ thể từng sự việc do ngành, lĩnh vực quản lý hoặc phối hợp, tham gia thực hiện công tác có liên quan đến hoạt động chăn nuôi đối với nội dung thuộc chức năng quản lý Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**

1. Căn cứ mật độ chăn nuôi của địa phương rà soát quy mô chăn nuôi, phát triển đầu tư không vượt quá mật độ chăn nuôi đã được quy định.

2. Tổ chức tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa phương thực hiện tốt quy định của Luật Chăn nuôi và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

3. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác triển khai thực hiện Quyết định này.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

1. Tổ chức tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa phương thực hiện tốt Quyết định này.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

#### **Nơi nhận**

- VP. Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Báo HG, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Cảnh Tuyên**